

\*

## CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Quyết định số 4961-QĐ/HVBCTT-ĐT ngày 26 tháng 10 năm 2018  
của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền)

Cơ sở giáo dục	: Học viện Báo chí và Tuyên truyền
Chứng nhận kiểm định chất lượng giáo dục:	
Tên văn bằng	: Cử nhân Quản lý công
Tên chương trình	: Quản lý công
Trình độ đào tạo	: Đại học
Ngành đào tạo	: Quản lý công; Mã số : 7340403

### 1. Mục tiêu đào tạo và chuẩn đầu ra

#### 1.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ cử nhân Quản lý công có kiến thức và kỹ năng chuyên môn sâu rộng, có phẩm chất đạo đức tốt và bản lĩnh chính trị vững vàng; có khả năng thực hiện công việc liên quan đến Quản lý Nhà nước các lĩnh vực thuộc khu vực công và khu vực tư; có khả năng tiếp tục học tập, nghiên cứu ở bậc học cao hơn ở bậc cao học và nghiên cứu sinh.

#### 1.2. Mục tiêu cụ thể

##### 1.2.1. Về kiến thức

- Có kiến thức lý luận chính trị, khoa học xã hội và nhân văn, hiểu biết về pháp luật Việt Nam, về quốc phòng an ninh; có kiến thức và khả năng tự rèn luyện về thể chất;
- Có kiến thức cơ bản về lý luận và thực tiễn Quản lý của Việt Nam và thế giới;
- Có kiến thức chuyên sâu: Quản lý hành chính công; Quản lý nhân sự; Dịch vụ công; Quản lý tài chính công; Quản lý sự thay đổi; Quản lý xung đột; Quản trị địa phương...

- Có kiến thức cơ bản về tin học ứng dụng phù hợp với ngành Quản lý công.
- Có đủ trình độ ngoại ngữ đáp ứng nhu cầu việc làm và học tập ở bậc sau đại học trong lĩnh vực Quản lý công.

##### 1.2.2. Về kỹ năng

- \* Kỹ năng cứng:
  - Có kỹ năng vận dụng sáng tạo lý luận chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, đường lối của Đảng, chính sách của Nhà nước vào thực tiễn công việc.

- Có kỹ năng lãnh đạo, quản lý xây dựng, kiến toàn bộ máy; đề xuất các thể chế, quy trình Quản lý công.

- Có phương pháp tư duy khoa học, có kỹ năng vận dụng kiến thức đã học vào chuyên môn công việc.

- Có năng lực quản lý, tham mưu tư vấn quản lý và nghiên cứu Quản lý công.

- Có kỹ năng ứng dụng kỹ thuật công nghệ trong công việc chuyên môn, trong nghiên cứu Quản lý công.

\* Kỹ năng mềm:

- Có kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, thảo luận, làm việc nhóm;

- Có kỹ năng tổng hợp, phân tích và xử lý tình huống trong quản lý.

- Có kỹ năng sử dụng ngoại ngữ, tin học trong công việc chuyên môn và nghiên cứu.

### *1.2.3. Phẩm chất chính trị và đạo đức*

- Trung thành với mục tiêu, lý tưởng XHCN; bản lĩnh chính trị vững vàng, làm tốt trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân, cán bộ công chức.

- Trung thực, thẳng thắn, xây dựng tập thể đoàn kết, không lợi dụng chức trách được giao để vụ lợi...

- Có tác phong làm việc khoa học, nghiêm túc, cầu thị, hợp tác, thân thiện phục vụ cộng đồng.

- Có ý thức cập nhật kiến thức, sáng tạo trong công việc.

### *1.2.4. Vị trí làm việc sau tốt nghiệp*

Người được đào tạo có khả năng đảm nhiệm các vị trí việc làm sau đây:

- Làm việc tại các cơ quan, ban, ngành của hệ thống chính trị; Trong các tổ chức xã hội, nghề nghiệp; Tổ chức kinh tế, doanh nghiệp; Tổ chức phi chính phủ... liên quan đến quản lý hành chính, quản lý kinh tế, quản lý xã hội, quản lý nhân sự, quản lý dịch vụ...

- Công việc nghiên cứu về Quản lý công tại các Học viện, trường Đại học, Viện nghiên cứu, Trung tâm nghiên cứu...

- Ngoài ra, có thể thực hiện là công tác tư vấn về chuyên môn, nghiệp vụ và kỹ năng liên quan đến quản lý khu vực công, tư...

### *1.2.5. Trình độ ngoại ngữ*

Người học khi tốt nghiệp phải đạt chứng chỉ trình độ tiếng Anh/tiếng Trung trình độ B1 khung châu Âu

### *1.2.6. Trình độ Tin học*

Người học có kiến thức tin học ứng dụng trình độ B, có khả năng ứng dụng công nghệ thông tin trong thực tiễn công tác.

## **2. Căn cứ xây dựng chương trình**

### **2.1. Căn cứ thực tiễn**

#### *2.1.1. Các chương trình đào tạo tham khảo*

- + Chương trình Ngành Quản lý công năm 2017 của Học viện Hành chính Quốc gia
- + Chương trình của Đại học Quốc gia: Ngành đào tạo: Khoa học quản lý (Management Science) năm 2017
- + Chương trình ngành Quản lý công của Florida Atlantic University 2017

### 2.1.2. Kết quả khảo sát

#### \* Khảo sát nhu cầu xã hội

Căn cứ trên kết quả họp với các chuyên gia, các cơ sở liên kết đào tạo, các nhà tuyển dụng ở một số trường Đại học, các trường chính trị tỉnh... năm 2017, 100% ý kiến cho rằng việc đào tạo cử nhân Chuyên ngành Quản lý công là cần thiết, đáp ứng yêu cầu của xã hội và các cơ quan, đơn vị tuyển dụng.

\* *Khảo sát chất lượng đào tạo* với đối tượng sinh viên trước tốt nghiệp năm 2017, 2018 (báo cáo kết quả khảo sát lưu tại Trung tâm Khảo thí và Đảm bảo chất lượng đào tạo).

### 2.2. Căn cứ pháp lý

- Quyết định số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

- Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

- Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT ngày 14/3/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

- Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Khung trình độ quốc gia Việt Nam.

- Thông tư số 22/2017/TT-BGDĐT ngày 06/9/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học;

- Thông tư số 24/2017/TT-BGDĐT ngày 10/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Danh mục giáo dục, đào tạo cấp IV trình độ đại học;

- Quyết định số 3777/QĐ-HVBCCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền ban hành Quy định đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ của Học viện Báo chí và Tuyên truyền;

- Công văn số 769/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Về việc sử dụng tài liệu hướng dẫn đánh giá theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học.

## 3. Chuẩn đầu ra

### 3.1. Kiến thức

*- Kiến thức đại cương*

**CDR1:** Mô tả và vận dụng được các nguyên lý cơ bản và thế giới quan, phương pháp luận của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh, quan điểm, đường lối của Đảng CSVN vào xem xét, giải thích, đánh giá thực tiễn Quản lý Nhà nước Việt Nam và thế giới.

**CDR2:** Vận dụng được các tri thức khoa học Xã hội nhân văn, khoa học liên ngành (Chính trị học, Nhà nước và pháp luật, Văn hóa học, Đạo đức học, Tâm lý học và Xã hội học.) để nhận thức và giải thích mối liên hệ, vận động và phát triển con người - xã hội trong Quản lý.

**CDR3:** Vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn: (Tâm lý học; Điều tra XHH...) để điều tra, khảo sát, phân loại và lựa chọn các biện pháp tác động đến đối tượng của Quản lý công.

**CDR4:** Vận dụng được các lý thuyết về ngôn ngữ tiếng Việt, tiếng nước ngoài và Tin học vào trong quá trình học tập và nghiên cứu Quản lý công.

*- Kiến thức cơ sở ngành*

**CDR5:** Vận dụng được những phạm trù, quy luật thuộc Khoa học Quản lý; Nhà nước và pháp luật; Kinh tế học... tạo nền tảng kiến thức sâu rộng và tiền đề cho nghiên cứu Quản lý công.

**CDR6:** Kết nối được các tri thức liên ngành thuộc các lĩnh vực: Chính trị, Hành chính; Kinh tế; Pháp luật; trong quá trình quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động Quản lý công.

*- Kiến thức ngành*

**CDR7:** Hiểu bản chất và vận dụng được những quy luật cơ bản của Quản lý; Quản lý Nhà nước Việt Nam và thế giới; Vai trò, sự tác động, ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của quản lý Nhà nước trong quá khứ và hiện đại.

**CDR8:** Mô tả và nắm được bản chất, quy luật, nguyên tắc vận hành của các yếu tố cấu thành hệ thống Quản lý công.

*- Kiến thức chuyên ngành*

**CDR 9:** Hiểu, nắm được bản chất Quản lý Hành chính công.; Quản lý Nhà nước; Quản lý Nhà nước ở Việt Nam.

**CDR 10:** Phân tích, so sánh, đánh giá Quản lý Hành chính công (mô hình nhà nước XHCN và các mô hình nhà nước trên thế giới).

**CDR 11:** Nắm vững và vận dụng sáng tạo quy trình Quản lý xung đột cho phù hợp trong thực tiễn.

**CDR 12:** Nắm vững Quản lý nguồn nhân lực; Quản lý tài chính công; Cung ứng dịch vụ công.

**CDR 13:** Nắm vững và đánh giá Quản trị Địa phương...

### 3.2. Kỹ năng

- *Kỹ năng chung*

**CĐR14:** Có khả năng lãnh hội và thực hiện tốt các nguyên tắc, quan điểm chỉ đạo trong Quản lý và dự báo, phát hiện các vấn đề Quản lý nảy sinh trong thực tiễn.

**CĐR15:** Có khả năng quản lý, phân loại, phân tích, đánh giá, tổng hợp các loại thông tin và hình thành được hướng xử lý vấn đề nảy sinh trong Quản lý công.

**CĐR16:** Có năng lực tư duy tổng hợp, tư duy logic các vấn đề Quản lý công dưới dạng nói và viết một cách khoa học, sáng tạo.

- *Kỹ năng chuyên biệt của ngành Quản lý công*

**CĐR 17:** Nắm vững kiến thức về hệ thống quản lý, quản lý Nhà nước, nguyên tắc tổ chức, Hệ thống các cơ quan, và nguyên tắc hoạt động của nhà nước.

**CĐR18:** Nắm vững phương thức, công cụ quản lý, kế hoạch, mục tiêu quản lý nhà nước.

**CĐR19:** Khả năng điều hành, thanh tra, kiểm tra, giám sát các lĩnh vực quản lý công.

**CĐR20:** Thành thực các kỹ năng: giao tiếp, lập chương trình, kế hoạch, ra quyết định trong quản lý nói chung và trong các tình huống quản lý cụ thể.

**CĐR21:** Có khả năng tổ chức, triển khai nghiên cứu một công trình khoa học về các vấn đề trong Quản lý công.

**CĐR22:** Thành thực các khâu, các bước trong quy trình xử lý các tình huống Quản lý công phù hợp; đánh giá hiệu quả của hoạt động Quản lý công phù hợp với mục đích, yêu cầu thực tiễn đặt ra.

### 3.3. Năng lực tự chủ và trách nhiệm

**CĐR23:** Có năng lực tư duy sáng tạo, lập luận, phản biện vấn đề, tình huống cụ thể bằng các lý lẽ và dẫn chứng thuyết phục, nghiên cứu và khám phá kiến thức.

**CĐR 24:** Năng lực tự học tập, nghiên cứu, tích lũy kiến thức và kinh nghiệm.;

**CĐR 25:** Năng lực giao tiếp, sử dụng ngoại ngữ, tin học trong giải quyết công việc.

**CĐR 26:** Năng lực quản lý và lãnh đạo; tìm hiểu, đánh giá bối cảnh tổ chức.

**CĐR27:** Năng lực làm việc nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.

**CĐR 28:** Năng lực lãnh đạo, dẫn dắt trong hoạt động chuyên môn, nghiệp vụ.

**CĐR29:** Năng lực thích nghi với các môi trường làm việc khác nhau.

**CĐR 30:** Năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực và đánh giá hiệu quả công việc.

**CĐR 31:** Có thái độ làm việc, làm nghề nghiêm túc, tự tin; có ý thức và khát vọng cống hiến trong công việc.

### 4. Thời gian đào tạo: 4 năm.

Tuỳ theo năng lực và điều kiện cụ thể mà sinh viên có thể sắp xếp để rút ngắn tối đa

2 học kỳ chính hoặc kéo dài tối đa 4 học kỳ chính so với thời gian đào tạo quy định trên. Các đối tượng được hưởng chính sách ưu tiên theo quy định tại Quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy hiện hành không bị hạn chế về thời gian tối đa để hoàn thành chương trình.

#### **5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:**

130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

#### **6. Đối tượng tuyển sinh:**

Mọi công dân Việt Nam không phân biệt dân tộc, tôn giáo, giới tính, nguồn gốc gia đình, hoàn cảnh kinh tế đều có thể dự thi vào ngành Quản lý công nếu có đủ các điều kiện sau:

- Có kết quả xếp loại học lực từng năm học trong 3 năm THPT đạt 6,0 trở lên;
- Hạnh kiểm 3 năm THPT xếp loại Khá trở lên.
- Có đủ sức khỏe để học tập và lao động theo các quy định hiện hành của Nhà nước;
- Đạt điểm xét tuyển theo quy định của Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Đối tượng là người nước ngoài được tuyển sinh theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

#### **7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp:**

Quy trình đào tạo thực hiện theo học chế tín chỉ theo Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

Điều kiện xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Điều 27 Quy định nêu trên.

#### **8. Cách thức đánh giá**

Điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần được chấm theo thang điểm 10 (từ 0 đến 10), làm tròn đến một chữ số thập phân. Điểm học phần được làm tròn đến một chữ số thập phân, được chuyển thành thang điểm 4 và điểm chữ theo quy định tại điều 23; điểm trung bình chung học kỳ và điểm trung bình chung tích lũy được tính theo công thức và cách thức quy định tại Điều 24 Quy định đào tạo đại học chính quy theo hệ thống tín chỉ, được ban hành kèm theo Quyết định số 3777/QĐ-HVBCTT-ĐT ngày 18/10/2017 của Giám đốc Học viện Báo chí và Tuyên truyền.

#### **9. Nội dung chương trình**

##### **9.1. Cấu trúc chương trình**

Tổng số tín chỉ phải tích lũy: 130 tín chỉ (chưa bao gồm Giáo dục thể chất, Giáo dục Quốc phòng - An ninh), trong đó:

<b>Khối kiến thức giáo dục đại cương</b>	<b>48</b>
- Khoa học Mác - Lênin và Tư tưởng Hồ Chí Minh	<b>15 tín chỉ</b>

- Khoa học xã hội và nhân văn	<b>15 tín chỉ</b>
<i>Bắt buộc:</i>	<i>9 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>
- Toán và khoa học tự nhiên	<b>6 tín chỉ</b>
- Ngoại ngữ	<b>12 tín chỉ</b>
- Giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng (12 tín chỉ)	
<b>Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>	<b>82</b>
<b>- Kiến thức cơ sở ngành</b>	<b>18 tín chỉ</b>
<i>Bắt buộc:</i>	<i>12 tín chỉ</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>
<b>- Kiến thức ngành</b>	<b>37 tín chỉ</b>
<i>Bắt buộc:</i>	<i>28 tín chỉ</i>
<i>Kiến tập:</i>	<i>(2 tín chỉ)</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>9/27 tín chỉ</i>
<b>- Kiến thức chuyên ngành</b>	<b>27 tín chỉ</b>
<i>Bắt buộc:</i>	<i>21 tín chỉ</i>
<i>Thực tập nghề nghiệp:</i>	<i>(3 tín chỉ)</i>
<i>Khóa luận/ Các học phần thay thế khóa luận:</i>	<i>(6 tín chỉ)</i>
<i>Tự chọn:</i>	<i>6/18 tín chỉ</i>

## 9.2. Chương trình khung

TT	Mã học phần	Học phần	Nội dung cần đạt được của từng học phần (tóm tắt)	Khối lượng kiến thức (LT/TH/ Tự học)	Ghi chú
<b>1. Kiến thức giáo dục đại cương</b>				<b>48</b>	
<b>1.1. Khoa học Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh</b>				<b>15</b>	
1.	<b>TM01001</b>	Triết học Mác - Lênin	Môn học cung cấp những kiến thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những vấn đề về của triết học Mác – Lênin (chủ nghĩa duy vật biện chứng và chủ nghĩa duy vật lịch sử); từ đó, người học có cơ sở và phương pháp nghiên cứu, học tập hợp lý, vận dụng vào quá trình đánh giá các hiện tượng đời sống.	4,0 (3,0:1,0)	
2.	<b>KT01001</b>	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	Nội dung học phần gồm kiến thức về các phạm trù kinh tế cơ bản: hàng hóa, tiền tệ, giá trị, giá cả, cạnh tranh, cung cầu, giá trị thặng dư, tư bản, tích lũy, tuần hoàn, chu chuyển của tư bản, tư bản thương nghiệp, tư bản cho vay, tư bản nông nghiệp, địa tô tư bản, chủ nghĩa tư bản độc quyền, sở hữu, thành phần kinh tế, công nghiệp hóa, hiện đại hóa, sản xuất hàng hóa, kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, ...	3,0 (2,0:1,0)	
3.	<b>CN01001</b>	Chủ nghĩa xã hội khoa học	Môn học trang bị những kiến thức cơ bản và hệ thống về các nguyên lý của CNXHKKH: quy luật ra đời và phát triển của hình thái kinh tế - xã hội Cộng sản chủ nghĩa; sứ mệnh lịch sử của giai cấp công nhân; các vấn đề chính trị - xã hội có tính quy luật trong tiến trình xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa.	3,0 (2,0:1,0)	
4.	<b>LS01001</b>	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	Môn học bao gồm những kiến thức cơ bản, hệ thống về sự ra đời của Đảng CSVN, sự lãnh đạo của Đảng trong đấu tranh giành chính quyền, giải phóng dân tộc và xây dựng CNXH từ năm 1930 đến nay.	3,0 (2,0:1,0)	
5.	<b>TH01001</b>	Tư tưởng Hồ Chí Minh	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về Khái niệm, đối tượng, phương pháp nghiên cứu và ý nghĩa học tập môn học; về nguồn gốc, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; về vấn đề dân tộc và cách mạng giải phóng dân tộc; về CNXH và thời kỳ quá độ lên CNXH ở Việt Nam; về Đảng	2,0 (1,5:0,5)	



			Cộng sản Việt Nam; về nhà nước của dân, do dân, vì dân; về đại đoàn kết dân tộc và đoàn kết quốc tế; về nhân văn, đạo đức và văn hóa.		
<b>1.2. Khoa học xã hội và nhân văn</b>				<b>15</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<b>9</b>	
6.	<b>NP01001</b>	Pháp luật đại cương	Môn học bao gồm những vấn đề lý luận cơ bản về nhà nước nói chung và Nhà nước CHXHCN Việt Nam nói riêng; Những kiến thức cơ bản về pháp luật và hệ thống pháp luật XHCN; Những kiến thức cơ bản về phòng, chống tham nhũng và pháp luật về phòng chống tham nhũng ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	
7.	<b>CT01001</b>	Chính trị học	Môn học trang bị những vấn đề lý luận chung nhất của lĩnh vực chính trị, từ việc làm rõ khái niệm chính trị, chính trị học, đối tượng, phương pháp nghiên cứu chính trị học, khái lược lịch sử tư tưởng chính trị đến việc làm rõ các phạm trù: quyền lực chính trị, chủ thể quyền lực chính trị, cơ chế thực thi quyền lực chính trị, quan hệ chính trị với kinh tế, văn hoá chính trị và đặc biệt làm rõ xu hướng chính trị của thế giới và định hướng XHCN ở Việt Nam	2,0 (1,5:0,5)	
8.	<b>XD01001</b>	Xây dựng Đảng	Nội dung học phần gồm: vị trí, đối tượng, phương pháp nghiên cứu môn học; những vấn đề lý luận về xây dựng Đảng, học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về xây dựng Đảng; các mặt xây dựng nội bộ Đảng (xây dựng Đảng về chính trị, tư tưởng, tổ chức và đạo đức); công tác kiểm tra, giám sát và kỷ luật của Đảng; công tác dân vận của Đảng; Đảng lãnh đạo hệ thống chính trị và các lĩnh vực đời sống xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
9.	<b>TG01004</b>	Phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn	Nội dung học phần gồm: nhập môn phương pháp nghiên cứu khoa học; vấn đề nghiên cứu, xây dựng và kiểm chứng giả thuyết nghiên cứu; đề tài nghiên cứu khoa học: Căn cứ lựa chọn đề tài khoa học; xây dựng cơ sở lý thuyết cho một đề tài khoa học; xây dựng đề cương nghiên cứu một đề tài khoa học. Phương pháp luận nghiên cứu khoa học; phương pháp và phân loại phương pháp nghiên cứu; một số phương pháp nghiên cứu khoa học xã hội và nhân văn.	2,0 (1,5:0,5)	
<i>Tự chọn</i>				<b>6/18</b>	
10.	<b>CT02100</b>	Quản lý công đại cương	Môn học trang bị những kiến thức về Nhà nước cho người học; giúp người học hiểu được quy trình, những nhân tố ảnh hưởng đến quá trình quản lý	2,0 (1,5:0,5)	

			công của một quốc gia.		
11.	<b>CT01100</b>	Quản lý hành chính công	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về quản lý hành chính công nói chung, quản lý hành chính công trong lĩnh vực kinh tế, tài chính tiền tệ nói riêng. Môn học cũng cung cấp những kiến thức cơ bản về công nghệ hành chính cũng như giúp sinh viên nắm được quá trình cải cách hành chính công ở nước ta hiện nay.	2,0 (1,5:0,5)	
12.	<b>KT02389</b>	Kế hoạch hóa phát triển	Môn học trang bị cho sinh viên những vấn đề lý luận về lựa chọn đường lối kế hoạch hóa phát triển kinh tế đang đặt ra cho các nước đang phát triển. Bao gồm: Các vấn đề lý luận về kế hoạch hóa phát triển. Kế hoạch phát triển trong nền kinh tế thị trường. Hệ thống kế hoạch phát triển. Quy trình lập, theo dõi và đánh giá kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.	2,0 (1,5:0,5)	
13.	<b>ĐC01009</b>	Xác suất thống kê	Môn học cung cấp cho người học cơ sở của lý thuyết xác suất và thống kê toán học với mục đích giúp người học có phương pháp, công cụ để học tập, nghiên cứu và giải quyết các bài toán thuộc chuyên ngành quản lý kinh tế, ...Người học biết sử dụng thành thạo phần mềm Excel để giải quyết các bài toán ước lượng và kiểm định thường gặp.	2,0 (1,5:0,5)	
14.	<b>XH01001</b>	Xã hội học đại cương	Nội dung môn học này làm rõ các kiến thức cơ bản liên quan đến bộ môn xã hội học như: Đối tượng nghiên cứu, lịch sử hình thành, chức năng, nhiệm vụ, các khái niệm cơ bản của xã hội học; Các phương pháp nghiên cứu và cách thức tiến hành điều tra xã hội học. Ngoài ra còn tìm hiểu các nội dung cần quan tâm của một số chuyên ngành nghiên cứu xã hội học như: xã hội học gia đình, xã hội học nông thôn – đô thị, xã hội học truyền thông đại chúng.	2,0 (1,5:0,5)	
15.	<b>TM01007</b>	Logic học	Môn học trang bị cho người học những tri thức cơ bản, hiện đại về thế giới quan, nhân sinh quan, phương pháp tư duy đúng đắn của logic học đại cương và vận dụng chúng vào hoạt động thực tiễn.	2,0 (1,5:0,5)	
16.	<b>NP02108</b>	Luật kinh tế	Học phần bao gồm hệ thống kiến thức cơ bản, quan trọng về luật kinh tế như: đối tượng, phương pháp điều chỉnh; nguồn và đặc điểm cơ bản của luật kinh tế; các chế định cơ bản của luật kinh tế; cơ chế giải quyết tranh chấp kinh tế.	2,0 (1,5:0,5)	
17.	<b>TT01002</b>	Cơ sở văn hóa Việt Nam	Môn học cung cấp những kiến thức nền tảng, chung nhất về văn hóa Việt Nam trên các mặt: những vấn đề lý luận cơ bản về văn hóa; diễn trình lịch sử	2,0 (1,5:0,5)	

			văn hóa Việt Nam; vấn đề giao lưu tiếp biến trong văn hóa Việt Nam; mối quan hệ giữa văn hóa với môi trường...		
18.	<b>QQ01002</b>	Quan hệ công chúng	Môn học trang bị cơ sở lý thuyết chung của quan hệ công chúng, những kiến thức về khái niệm, vai trò, chức năng, quá trình hình thành và phát triển của quan hệ công chúng trên thế giới và tại Việt Nam. Trang bị cho sinh viên những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các hoạt động quan hệ công chúng bao gồm kỹ năng lập kế hoạch, xử lý khủng hoảng, quan hệ báo chí và tổ chức sự kiện. Môn học cũng trang bị cho sinh viên những nguyên tắc tác nghiệp, kỹ năng vận dụng công cụ quan hệ công chúng vào các lĩnh vực chuyên ngành, kỹ năng giao tiếp trong nhiều tình huống như thuyết trình, tranh luận, liên hệ với các nhóm đối tượng khác nhau.	2,0 (1,5:0,5)	
<b>1.3. Tin học</b>				<b>6</b>	
19.	<b>ĐC01005</b>	Tin học ứng dụng	Môn học trang bị những hiểu biết cơ bản về Công nghệ thông tin, những kiến thức và kỹ năng sử dụng máy tính, xử lý văn bản, bảng tính, trình chiếu, hệ quản trị cơ sở dữ liệu. Sử dụng Internet để phục vụ công việc cụ thể.	3,0 (1,0:2,0)	
20.	<b>ĐC01010</b>	Toán kinh tế	Môn học trang bị kiến thức về vận dụng toán học trong phân tích các mô hình kinh tế để từ đó hiểu rõ hơn các nguyên tắc và các quy luật kinh tế của nền kinh tế thị trường. Cung cấp cho người học nắm được các phương pháp toán kinh tế – là phương pháp hiệu quả, kết hợp được nhiều cách tiếp cận hiện đại đồng thời kế thừa được nhiều mặt mạnh của các phương pháp truyền thống trong nghiên cứu kinh tế. Ngoài ra giúp cho người học không những tăng cường về mặt cơ sở lý luận mà còn nâng cao khả năng vận dụng kiến thức toán kinh tế vào công tác quản lý kinh tế.	3,0 (2,0:1,0)	
<b>1.4. Ngoại ngữ (chọn tiếng Anh hoặc tiếng Trung)</b>				<b>12/24</b>	
21.	<b>NN01015</b>	Tiếng Anh học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ pháp tiếng Anh dành cho sinh viên trình độ tiền trung cấp (Pre-intermediate); từ vựng được sử dụng trong các tình huống hàng ngày; các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ tiền trung cấp. Bước đầu sinh viên tập nghe giảng bằng tiếng Anh trong các bài học tiếng Anh.	4,0 (2,0:2,0)	
22.	<b>NN01016</b>	Tiếng Anh học	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về: Các thời thể ngữ	4,0	

		phần 2	pháp tiếng Anh ở mức độ nâng cao hơn so với học phần Tiếng Anh 1. So sánh đối chiếu sự khác nhau giữa các hành động lời nói. Cung cấp từ vựng để nói về các chủ điểm quen thuộc như gia đình, sở thích, công việc.... Cách cấu tạo, kết hợp và sử dụng các loại từ vựng. Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết ở mức độ giữa tiền trung cấp và trung cấp.	(2,0:2,0)	
23.	<b>NN01017</b>	Tiếng Anh học phần 3	Học phần này giúp sinh viên ôn tập và củng cố những kiến thức cơ bản về: các hiện tượng ngữ pháp ở mức phức tạp như so sánh, bị động, câu điều kiện...Cung cấp từ vựng ở hầu hết các chủ điểm quen thuộc trong cuộc sống hàng ngày. Rèn luyện các kỹ năng Nghe Nói Đọc Viết thông qua các dạng bài tập đa dạng: kỹ năng đọc hiểu, nghe hiểu, viết thư/viết đoạn văn, trao đổi về một số chủ đề quen thuộc.	4,0 (2,0:2,0)	
24.	<b>NN01019</b>	Tiếng Trung học phần 1	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về phần ngữ âm, các nét cơ bản và các nguyên tắc viết chữ Hán để có thể viết chữ Hán. Rèn luyện các kỹ năng giao tiếp cơ bản như: chào hỏi, giới thiệu được bản thân, gia đình, bạn bè, mua bán.... Rèn luyện các kỹ năng nghe, đọc, viết với các chủ đề đơn giản.	4,0 (2,0:2,0)	
25.	<b>NN01020</b>	Tiếng Trung học phần 2	Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về cách viết chữ Hán, so sánh được một số âm Hán Việt, nắm được một số hiện tượng ngữ pháp cơ bản, cung cấp từ vựng cơ bản để trình bày về các chủ điểm thông thường như công việc, sở thích, học tập, gia đình... Rèn luyện các kỹ năng ngôn ngữ đọc, nghe, nói, viết tiếng Hán ở mức độ tiền trung cấp.	4,0 (2,0:2,0)	
26.	<b>NN01021</b>	Tiếng Trung học phần 3	Môn học cung cấp kiến thức về các loại câu trong tiếng Hán và cách diễn đạt phổ biến với các chủ điểm gần gũi với cuộc sống hàng ngày. Giao tiếp trong những tình huống đơn giản thông qua việc trao đổi thông tin trực tiếp. Miêu tả về các tình huống giao tiếp và những vấn đề gần gũi, liên quan trực tiếp đến cuộc sống. Học phần cũng cung cấp một số kiến thức và kỹ thuật làm bài thi tiếng Trung HSK3 nhằm giúp sinh viên đạt được chuẩn đầu ra phù hợp.	4,0 (2,0:2,0)	
<b>2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>				<b>82</b>	
<b>2.1. Kiến thức cơ sở ngành</b>				<b>18</b>	
<i>Bắt buộc</i>				<b>12</b>	

27.	<b>CT02059</b>	Khoa học chính sách công	Học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản liên quan đến chính sách công và quy trình chính sách công, giúp sinh viên hiểu được đặc điểm và nội dung của từng giai đoạn trong quy trình chính sách và thực tế chính sách công ở Việt Nam hiện nay, vận dụng những kiến thức chung về chính sách công để nhận định thực trạng chính sách công ở Việt Nam hiện nay, rèn luyện năng lực tư duy phân tích, tư duy logic, nhận diện một chính sách công đồng thời biết phân tích, đánh giá ở mức độ đơn giản về các chính sách công trong thực tế.	3,0 (2,0:1,0)	
28.	<b>CT02030</b>	Quản trị học	Cung cấp những kiến thức cơ bản về quản trị học được vận dụng trong kinh doanh như: bản chất, đối tượng nghiên cứu, mục đích, chức năng, nhiệm vụ của quản trị học. Học phần đi sâu nghiên cứu các chức năng của quản trị như: Quản trị sản xuất và tác nghiệp, môi trường kinh doanh, quyết định trong kinh doanh, hoạch định chiến lược, quản trị nguồn nhân lực và một số vấn đề trong quản trị hiện đại như: quản trị sự thay đổi của một tổ chức, quản trị xung đột, quản trị rủi ro.	3,0 (2,0:1,0)	
29.	<b>KT02401</b>	Kinh tế vi mô	Môn học trang bị sinh viên những kiến thức và công cụ cần thiết để hiểu rõ hơn bản chất kinh tế của các hoạt động kinh tế và các hiện tượng kinh tế, các quyết định kinh tế của người tiêu dùng, của nhà quản trị doanh nghiệp và nhà hoạch định chính sách. Tạo điều kiện cho người học vận dụng những kiến thức đó để xử lý tình huống kinh tế.	3,0 (2,0:1,0)	
30.	<b>KT02402</b>	Kinh tế vĩ mô	Môn học trang bị cho học viên các khái niệm, trình bày được cách tính toán các chỉ tiêu đo lường sản lượng và phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến tăng trưởng, lạm phát và thất nghiệp; những ý tưởng ban đầu về vai trò của các chính sách tài khóa, tiền tệ và tỷ giá hối đoái trong nền kinh tế thị trường; những nguyên lý và mô hình kinh tế vĩ mô để có thể phân tích, thảo luận và bình luận được một số biến động cơ bản của nền kinh tế tổng thể.	3,0 (2,0:1,0)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
31.	<b>KT02403</b>	Kinh tế tài nguyên và môi trường	Môn học trang bị những kiến thức về lịch sử hình thành và phát triển của nền kinh tế thị trường thế giới, nguyên nhân hình thành và xu thế vận động chủ yếu của các hoạt động kinh tế vi mô hiện nay để từ đó người học nắm được thực tại và xu thế hoạt động kinh tế vi mô của các nước nói chung, Việt Nam	3,0 (2,0:1,0)	

			nói riêng và có thái độ ứng xử tích cực trong thực tế.		
32.	<b>KT02102</b>	Lịch sử kinh tế quốc dân	Môn học cung cấp cho sinh viên kiến thức về thực tiễn phát triển kinh tế ở các nước và Việt Nam qua các thời kỳ lịch sử; cụ thể: thực trạng phát triển kinh tế của các nước và của Việt Nam, bao gồm những biến đổi trong nền kinh tế, những đặc điểm phát triển kinh tế và những luận giải về những biến đổi đó ở từng thời kỳ lịch sử cụ thể; những bài học kinh nghiệm; cơ sở khoa học và tính sáng tạo trong đường lối, chính sách phát triển kinh tế của Đảng và Nhà nước ta qua các thời kỳ.	3,0 (2,0:1,0)	
33.	<b>KT02404</b>	Kinh tế quốc tế	Môn học trang bị cho người học một cách có hệ thống những kiến thức cơ bản về lịch sử hình thành và phát triển của nền kinh tế thị trường thế giới, nguyên nhân hình thành và xu thế vận động chủ yếu của các hoạt động kinh tế quốc tế hiện nay. Người học nắm được thực tại và xu thế hội nhập kinh tế quốc tế của các nước nói chung, Việt Nam nói riêng và có thái độ ứng xử tích cực trong thực tế.	3,0 (2,0:1,0)	
34.	<b>NP02001</b>	Nhà nước và pháp luật	Môn học bao gồm các vấn đề mang tính chất nguyên lý về nhà nước và pháp quyền XHCN; mô hình tổ chức cũng như phương thức thực hiện quyền lực trong xây dựng nhà nước pháp quyền CHXHCN Việt Nam; xây dựng và thực hiện pháp luật trong điều kiện hiện nay.	3,0 (2,0:1,0)	
35.	<b>CT03023</b>	Phân tích chính sách	Môn học cung cấp cách tiếp cận và phân tích một chính sách cụ thể, làm cơ sở cho việc sự tham gia vào phân tích chính sách ở Việt Nam, cũng như có thể tham gia vào khu vực doanh nghiệp, các tổ chức phi chính phủ...	3,0 (2,0:1,0)	
36.	<b>KT03001</b>	Quản trị kinh doanh	Môn học cung cấp cho người học kiến thức hiện đại về quản trị kinh doanh và những bài học kinh nghiệm quản lý của các nhà doanh nghiệp trong và ngoài nước nhằm giúp họ có những kỹ năng cần thiết và phẩm chất phù hợp để quản lý doanh nghiệp một cách khoa học và có hiệu quả cao.	3,0 (2,0:1,0)	
<b>2.2. Kiến thức ngành</b>				<b>37</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>28</b>	
37.	<b>CT02056</b>	Thực tế Chính trị-Xã hội	Học phần trang bị cho người học những kiến thức mang tính thực tiễn về những vấn đề về chính trị, xã hội, kinh tế, văn hóa nói chung; cơ chế hoạt động của những cơ quan, đơn vị, tổ chức khu vực công và tư nhằm cho người	2,0 (0,5:1,5)	

			học có được những phong kiến thức nền cho lĩnh vực quản lý công.		
38.	<b>CT03109</b>	Lãnh đạo và quản lý khu vực công	Môn học cung cấp những kiến thức căn bản về công tác lãnh đạo, quản lý cũng như các năng lực, kỹ năng thiết yếu đối với nhà lãnh đạo – quản lý trong khu vực công, trang bị cho sinh viên những hiểu biết, tri thức để có thể trở thành những công chức có đủ khả năng và năng lực tham gia vào bộ máy hành chính của Việt Nam, giúp sinh viên nắm vững các nguyên tắc, quy trình, kỹ thuật để đưa ra các quyết định lãnh đạo, quản lý tại khu vực công.	3,0 (2,0:1,0)	
39.	<b>CT03114</b>	Quản trị chất lượng khu vực công	Môn học trang bị các lý thuyết tiếp cận sử dụng trong quản lý chất lượng và ứng dụng của nó để giải quyết các vấn đề liên quan đến quản lý công, nắm rõ các nguyên tắc, yêu cầu, các tiêu chí quan trọng trong quản lý chất lượng trong khu vực công, có khả năng phân tích, đánh giá và nghiên cứu các vấn đề đương đại, các xu hướng và thách thức trong quản lý chất lượng trong khối công.	3,0 (2,0:1,0)	
40.	<b>CT03108</b>	Quản lý chiến lược trong khu vực công	Môn học trang bị cho sinh viên kiến thức, nội dung căn bản về quản trị chiến lược khu vực công và các kỹ năng để có thể áp dụng kiến thức đã học để quản trị xây dựng và quản trị chiến lược. Kết thúc học phần sinh viên sẽ lĩnh hội được những kiến thức: cơ sở lý luận về quản trị chiến lược khu vực công, quy trình, nội dung xây dựng chiến lược cho các đơn vị công, triển khai thực hiện chiến lược cho đơn vị công, đánh giá và điều chỉnh chiến lược	3,0 (2,0:1,0)	
41.	<b>CT02103</b>	Dịch vụ công	Môn học cung cấp cho sinh viên hệ thống các kiến thức cơ bản như: Khái niệm, vai trò, bản chất, đặc trưng của dịch vụ công và dịch vụ hành chính công; trách nhiệm của nhà nước trong việc cung ứng và quản lý dịch vụ hành chính công; nội dung một số dịch vụ hành chính công chủ yếu; các vấn đề cơ bản trong cải cách dịch vụ hành chính công ở Việt Nam.	3,0 (2,0:1,0)	
42.	<b>CT02104</b>	Đạo đức công vụ	Môn học cung cấp các khái niệm đạo đức công vụ, các yếu tố ảnh hưởng và liên quan đến các phạm trù này. Môn học cũng cung cấp cho người học các kiến thức và kỹ năng xây dựng các bộ quy tắc ứng xử, thiết lập các giá trị văn hóa đạo đức trong một tổ chức. Ngoài ra, môn học còn xây dựng các phương pháp thúc đẩy việc thực hành các giá trị văn hóa đạo đức trong đó chú trọng đến các giá trị văn hóa trong lãnh đạo điều hành khu vực công.	3,0 (2,0:1,0)	

43.	<b>CT02105</b>	Kỹ năng Giao tiếp và đàm phán	Môn học cung cấp những tri thức cơ bản về kỹ năng thuyết trình và đàm phán, đồng thời giúp người học rèn luyện và vận dụng hợp lý những kỹ năng thuyết trình, đàm phán. Trên cơ sở đó, người học sẽ có được bản lĩnh, phong thái tự tin, chủ động để đạt hiệu quả cao nhất trong hoạt động chính trị - xã hội, đồng thời cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản về giao tiếp chính trị cùng một số kỹ năng giao tiếp cơ bản trong giao tiếp chính trị để từ đó giúp cho người học có thể hiểu và sử dụng hiệu quả những kỹ năng này trong hoạt động giao tiếp chính trị.	3,0 (2,0:1,0)	
44.	XD02401	Khoa học tổ chức	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản nhất về thiết kế, xây dựng và sắp xếp tổ chức, các quy luật, nguyên tắc, cấu trúc của tổ chức và các điều kiện cần cho tổ chức hoạt động có hiệu quả.	3,0 (2,0:1,0)	
45.	BC02104	Quản trị báo chí và truyền thông	Môn học trang bị cho sinh viên những kiến thức về công tác xây dựng, chỉ đạo và tổ chức thực hiện chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển báo chí, các văn bản quy phạm pháp luật về báo chí.	3,0 (2,0:1,0)	
46.	<b>CT03122</b>	Kiến tập nghề nghiệp	Học phần giúp sinh viên củng cố, nắm vững kiến thức lý thuyết đã được trang bị trong nhà trường để vận dụng trong thực tiễn giảng dạy; Đồng thời, vận dụng trong rèn luyện phương pháp, công tác chuyên môn, những nhiệm vụ được giao.	2,0 (0,5:1,5)	
<i>Tự chọn</i>				9/27	
47.	<b>CT03121</b>	Kỹ năng lập KH và ra quyết định quản lý	Môn học cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các kỹ năng cơ bản về lập kế hoạch làm việc, kế hoạch thực hiện chính sách cũng như kỹ năng ra quyết định quản lý của các cán bộ, công chức và lãnh đạo của các cơ quan Đảng, Nhà nước, các đơn vị và doanh nghiệp. Từ đó người học có thể vận dụng trong thực tiễn công tác.	3,0 (2,0:1,0)	
48.	<b>CT03119</b>	Điều hành công sở	Môn học trang bị những vấn đề cơ bản về công sở và điều hành công sở; nhận diện được mục đích của điều hành công sở, bối cảnh và thách thức trong điều hành công sở hiện nay; đánh giá các xu hướng đổi mới hoạt động điều hành công sở theo yêu cầu của công cuộc cải cách hành chính và hội nhập quốc tế, tổng hợp được các kĩ thuật điều hành công sở cơ bản	3,0 (2,0:1,0)	
49.	<b>CT03201</b>	Quản lý nhà nước	Môn học trang bị cho người học những tri thức cơ bản về Quản lý nhà nước nói	3,0	



		về xã hội	chung và đi sâu quản lý nhà nước về các lĩnh vực xã hội cụ thể theo định hướng của giai cấp cầm quyền vì sự phát triển và tiến bộ xã hội.	(2,5:0,5)	
50.	<b>XD03318</b>	Các ngành luật cơ bản của Việt Nam	Nội dung học phần gồm: khái niệm, đối tượng nghiên cứu, quan hệ pháp luật, quy phạm pháp luật, các chế định cơ bản và liên hệ thực hiện trong thực tế của các ngành luật Hiến pháp; ngành luật Dân sự & tố tụng dân sự, ngành luật Hành chính và tố tụng Hành chính, ngành luật Hình sự và Tố tụng hình sự; ngành luật Kinh tế.	3,0 (2,0: 1,0)	
51.	<b>CT03202</b>	Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường	Môn học bao gồm các nội dung chính: Chức năng và vai trò của quản lý nhà nước và tài nguyên và môi trường, nội dung quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, nguyên tắc của quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường, công cụ quản lý nhà nước, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý	3,0 (2,5:0,5)	
52.	<b>CT01101</b>	Kỹ năng soạn thảo văn bản	Môn học cung cấp những kiến thức căn bản về thể thức, quy trình quản lý văn bản hành chính theo Thông tư 01/2011/TT-BNV, trang bị cho sinh viên những hiểu biết về phong cách ngôn ngữ hành chính để có thể biên tập và soạn thảo văn bản hành chính vừa đúng thể thức vừa chuẩn mực về phong cách ngôn ngữ, giúp sinh viên nắm vững các nguyên tắc, quy trình, kỹ thuật soạn thảo và biên tập văn bản hành chính tiếng Việt.	3,0 (2,0:1,0)	
53.	<b>TG02005</b>	Tâm lý học lãnh đạo quản lý	Môn học bao gồm những tri thức khoa học về tâm lý chủ thể và đối tượng của hoạt động lãnh đạo, quản lý, có khả năng vận dụng những hiểu biết đó trong nghề nghiệp tương lai.	3,0 (2,5:0,5)	
54.	<b>KT02406</b>	Nguyên lý Kế toán	Môn học trang bị cho người học những tri thức cơ bản, tổng hợp, có hệ thống những nội dung cơ bản của môn kế toán đại cương bao gồm việc trình bày và giải thích đối tượng của kế toán, các phương pháp thu thập, xử lý, cung cấp thông tin kế toán và một số nghiệp vụ kế toán cơ bản trong các đơn vị, cách lập và trình bày báo cáo tài chính. Từ đó, người học có cơ sở và phương pháp phân tích thông tin kế toán phục vụ cho việc ra quyết định kinh tế.	3,0 (2,0:1,0)	
55.	<b>QQ03466</b>	Tổ chức sự kiện	Môn học trang bị cho người học những tri thức cơ bản về sự kiện và tổ chức sự kiện, về nghề tổ chức sự kiện, nắm vững các nguyên tắc tổ chức sự kiện chuyên nghiệp để truyền đạt có hiệu quả thông điệp của tổ chức, doanh nghiệp đến công chúng. Đồng thời, người học cũng được biết về quy trình	3,0 (1,0:2,0)	

			quản lý rủi ro trong sự kiện và được học các kỹ năng phân tích, đánh giá, kỹ năng xử lý tình huống...		
<b>2.4. Kiến thức chuyên ngành</b>				<b>27</b>	
<b>Bắt buộc</b>				<b>21</b>	
56.	<b>CT03112</b>	Quản trị địa phương	Môn học trang bị cho người học những tri thức cơ bản về lĩnh vực quản trị, quản trị địa phương, từ việc làm rõ một số khái niệm đến việc đưa ra chủ thể, đặc điểm của quản trị địa phương cũng như các yếu tố quyết định đến chất lượng quản trị địa phương, trên cơ sở lý thuyết môn học cung cấp kiến thức quản trị địa phương trên thực tiễn ở một số nước trên thế giới và Việt Nam.	3,0 (2,5:0,5)	
57.	<b>CT03110</b>	Quản lý tài chính công	Học phần bao gồm quản lý ngân sách nhà nước, cân đối ngân sách nhà nước, phân cấp quản lý ngân sách nhà nước, xây dựng kế hoạch tài chính ngắn hạn, trung hạn và dài hạn và đánh giá kết quả hoạt động của công tác quản lý tài chính công.	3,0 (2,5:0,5)	
58.	<b>CT03111</b>	Quản lý nhân sự khu vực công	Môn học trang bị cho người học những tri thức cơ bản về các chức năng quản trị nhân sự cùng các kiến thức cần thiết để quản lý con người trong khu vực công một cách hiệu quả, được trình bày theo trình tự từ hoạch định nguồn nhân lực, thu hút và tuyển chọn, đào tạo và phát triển đến và duy trì – quản lý nguồn nhân lực.	3,0 (2,5:0,5)	
59.	<b>CT03118</b>	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý công	Môn học trang bị cho người học những tri thức cơ bản về sử dụng tiếng Anh trong bối cảnh quản lý công. Sinh viên được phát triển 4 kỹ năng nghe nói đọc viết tương đương với trình độ B1 khung Châu Âu và nắm vững các khái niệm cũng như các thuật ngữ chuyên ngành quản lý công bằng tiếng Anh, có khả năng giao tiếp và sử dụng tiếng Anh trong môi trường làm việc liên quan đến Quản lý công.	3,0 (1,5:1,5)	
60.	<b>CT03123</b>	Thực tập cuối khóa	Học phần giúp sinh viên củng cố, nắm vững kiến thức lý thuyết đã được trang bị trong nhà trường để vận dụng trong thực tiễn giảng dạy; Đồng thời, vận dụng trong rèn luyện phương pháp, công tác chuyên môn, những nhiệm vụ được giao.	<b>3,0</b>	
61.	<b>CT04012</b>	Khóa luận	Môn học trang bị cho người học những tri thức khái quát, tổng hợp những kiến thức chuyên ngành, nghiên cứu các vấn đề chuyên sâu về lý luận và hình	<b>6,0</b>	

			thành ý tưởng về các vấn đề nghiên cứu, tổng hợp và vận dụng lý thuyết để giải quyết các vấn đề trong thực tế		
Học phần thay thế khóa luận				6,0	
62.	<b>CT03124</b>	Quản trị dự án đầu tư công	Môn học trang bị cho người học những tri thức cơ bản về quá trình soạn thảo một dự án đầu tư công, thực thi dự án và đánh giá dự án. Từ đó, tìm hiểu sâu hơn về cách phân tích hiệu quả tài chính dự án đầu tư công đầu tư thông qua việc tính toán một số chỉ tiêu phản ánh hiệu quả tài chính cơ bản từ đó so sánh, lựa chọn phương án đầu tư tiếp theo cho phù hợp.	3,0 (2,5:0,5)	
63.	<b>CT03115</b>	Quản lý xung đột và thay đổi khu vực công	Học phần làm cho người học sáng tỏ những vấn đề lý luận chung nhất của quản lý xung đột và thay đổi trong khu vực công. Học phần cung cấp các khái niệm về xung đột, thay đổi và quản lý xung đột, thay đổi cũng như trang bị những kiến thức và kỹ năng để học viên ứng dụng trong quản lý xung đột và thay đổi trong khu vực công.	3,0 (2,5:0,5)	
<i>Tự chọn</i>				6/18	
64.	<b>CT03203</b>	Quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ	Học phần nhằm nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của khoa học - công nghệ, nguyên tắc, biện pháp quản lý của nhà nước đối với khoa học công nghệ, giúp người học đánh giá được thực trạng quản lý nhà nước về khoa học - công nghệ và các thách thức đang đặt ra hiện nay, trên cơ sở đó xác định các định hướng hoàn thiện quản lý nhà nước về khoa học và công nghệ thời gian tới.	3,0 (2,5:0,5)	
65.	<b>CT03120</b>	Quản trị tài chính doanh nghiệp	Môn học sẽ cung cấp cho người học những nguyên tắc tài chính doanh nghiệp hiện đại, các công thức phổ biến tính tỷ số trong báo cáo tài chính, các cách định giá dự án, trái phiếu, cổ phiếu. Đồng thời, môn học cũng giúp người học phát triển khả năng tư duy và kỹ năng phân tích trong môi trường tài chính doanh nghiệp.	3,0 (2,5:0,5)	
66.	<b>CT03088</b>	Chính sách đối ngoại	Môn học trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chính sách đối ngoại: khái niệm, cơ sở hoạch định chính sách đối ngoại, quy trình hoạch định chính sách đối ngoại, thực hiện chính sách đối ngoại (điều kiện, công cụ thực hiện chính sách đối ngoại), chính sách đối ngoại của các nước lớn (Mỹ, Nga, Trung Quốc) và chính sách đối ngoại của Việt Nam trong giai đoạn hiện	3,0 (2,5:0,5)	

			nay		
67.	<b>CT03017</b>	Hệ thống chính trị và quy trình chính sách	Môn học sẽ trang bị cho người học những kiến thức tổng quan, cơ bản về hệ thống chính trị và quy trình chính sách thông qua việc tìm hiểu sự tham gia của các thành tố trong hệ thống tổ chức quyền lực chính trị là Đảng chính trị, Nhà nước và các tổ chức chính trị - xã hội - các nhóm lợi ích vào quá trình chính sách công ở các nước trên thế giới cũng như ở Việt Nam.	3,0 (2,5:0,5)	
68.	<b>KT02410</b>	Kinh tế phát triển	Môn học trang bị cho người học những tri thức cơ bản về tăng trưởng, phát triển kinh tế; và lý giải vấn đề làm thế nào để các nước đang phát triển, phát triển nhanh cả công nghiệp, nông nghiệp và dịch vụ; để cơ cấu kinh tế chuyển dịch nhanh, bền vững; để thoát khỏi tình trạng chậm phát triển.	3,0 (2,0:1,0)	
69.	<b>CT03113</b>	Quản lý thuế	Môn học trang bị cho người học những tri thức cơ bản về quản lý thuế, cách thức phân công trách nhiệm cho các bộ phận trong cơ quan thuế, xác lập mối quan hệ phối hợp giữa các bộ phận một cách hữu hiệu trong việc thực thi chính sách thuế	3,0 (2,5:0,5)	
			<b>Tổng cộng</b>	<b>130</b>	

### 9.3. Ma trận chuẩn đầu ra

TT	Học phần	Chuẩn đầu ra																															
		Kiến thức													Kỹ năng										Năng lực tự chủ và trách nhiệm								
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	
1.	<b>TM01001</b>	1												1											1			1		2			
2.	<b>KT01001</b>	1												1											1			1		2			
3.	<b>CN01001</b>	1												1											1			1		2			
4.	<b>LS01001</b>	1												1											1			1		2			
5.	<b>TH01001</b>	1													1										1			1		2			

6.	<b>NP01001</b>	1	1																		1			1			2								
7.	<b>CT01001</b>	1	1																			1			1			2							
8.	<b>XD01001</b>	1		1																									2	2					
9.	<b>TG01004</b>	1																									1			2					
10.	<b>CT02100</b>	1										1																		2	2				
11.	<b>CT01100</b>	1										1																		2	2				
12.	<b>KT02389</b>	1										1																		2	2				
13.	<b>ĐC01009</b>	1										1																		2	2				
14.	<b>XH01001</b>			1								1																		2	2				
15.	<b>TM01007</b>	1										1																		2	2				
16.	<b>KT02108</b>	1										1																		2	2				
17.	<b>TT01002</b>		1									1																		2	2				
18.	<b>QQ01002</b>																																		
19.	<b>ĐC01005</b>																													1			2	2	
20.	<b>ĐC01010</b>	1										1																		2			2	2	
21.	<b>NN01015</b>			1								1																		2	2		2	2	2
22.	<b>NN01016</b>			1								1																		2	2		2	2	2
23.	<b>NN01017</b>			1								1																		2	2		2	2	
24.	<b>NN01019</b>			1								1																		2	2		2	2	2

25.	<b>NN01020</b>				1															2	2				2	2	2
26.	<b>NN01021</b>				1															2	2				2	2	2
27.	<b>CT02059</b>												1													2	2
28.	<b>CT02030</b>												1													2	2
29.	<b>KT02401</b>												1													2	2
30.	<b>KT02402</b>												1													2	2
31.	<b>KT02403</b>												1													2	2
32.	<b>KT02102</b>												1													2	2
33.	<b>KT02404</b>												1													2	2
34.	<b>NP02001</b>												1													2	2
35.	<b>CT03023</b>												1													2	2
36.	<b>KT03001</b>												1													2	2
37.	<b>CT02056</b>												1													2	2
38.	<b>CT03109</b>												1													2	2
39.	<b>CT03114</b>												1													2	2
40.	<b>CT03108</b>												1													2	2
41.	<b>CT02103</b>												1													2	2
42.	<b>CT02104</b>												1													2	2
43.	<b>CT02105</b>												1													2	2

44.	<b>XD02401</b>							1	1						1														2	2
45.	<b>BC02104</b>							1	1						1														2	2
46.	<b>CT03122</b>							1	1						1														2	2
47.	<b>CT03121</b>							1	1						1														2	2
48.	<b>CT03119</b>							1	1						1														2	2
49.	<b>CT03201</b>							1	1						1														2	2
50.	<b>XD03318</b>							1	1						1														2	2
51.	<b>CT03202</b>							1	1						1														2	2
52.	<b>CT01101</b>							1	1						1														2	2
53.	<b>TG02005</b>							1	1						1														2	2
54.	<b>KT02406</b>							1	1						1														2	2
55.	<b>QQ03466</b>							1	1						1														2	2
56.	<b>CT03112</b>									1	1	1	1	1					1										2	2
57.	<b>CT03110</b>									1	1	1	1	1					1										2	2
58.	<b>CT03111</b>									1	1	1	1	1					1										2	2
59.	<b>CT03118</b>									1	1	1	1	1					1										2	2
60.	<b>CT03123</b>									1	1	1	1	1					1										2	2
61.	<b>CT04012</b>									1	1	1	1	1					1										2	2
62.	<b>CT03124</b>									1	1	1	1	1					1										2	2

63.	<b>CT03115</b>									1	1	1	1	1																2	2
64.	<b>CT03203</b>									1	1	1	1	1																2	2
65.	<b>CT03120</b>									1	1	1	1	1																2	2
66.	<b>CT03088</b>									1	1	1	1	1																2	2
67.	<b>CT03017</b>									1	1	1	1	1																2	2
68.	<b>KT02410</b>									1	1	1	1	1																2	2
69.	<b>CT03113</b>									1	1	1	1	1																2	2



## 10. Hướng dẫn thực hiện:

### 10.1. Kế hoạch đào tạo dự kiến

TT	Học phần	Số tín chỉ	Học kỳ							
			1	2	3	4	5	6	7	8
1.	<b>TM01001</b>	4,0 (3,0:1,0)	*							
2.	<b>KT01001</b>	3,0 (2,0:1,0)	*							
3.	<b>CN01001</b>	3,0 (2,0:1,0)	*							
4.	<b>LS01001</b>	3,0 (2,0:1,0)	*							
5.	<b>TH01001</b>	2,0 (1,5:0,5)	*							
6.	<b>NP01001</b>	3,0 (2,0:1,0)	*							
7.	<b>CT01001</b>	2,0 (1,5:0,5)		*						
8.	<b>XD01001</b>	2,0 (1,5:0,5)		*						
9.	<b>TG01004</b>	2,0 (1,5:0,5)	*							
10.	<b>CT02100</b>	2,0 (1,5:0,5)		*						
11.	<b>CT01100</b>	2,0 (1,5:0,5)			*					
12.	<b>KT02389</b>	2,0 (1,5:0,5)		*						
13.	<b>ĐC01009</b>	2,0 (1,5:0,5)	*							
14.	<b>XH01001</b>	2,0 (1,5:0,5)			*					
15.	<b>TM01007</b>	2,0 (1,5:0,5)		*						
16.	<b>KT02108</b>	2(1,5:0,5)		*						
17.	<b>TT01002</b>	2,0 (1,5:0,5)		*						
18.	<b>QQ01002</b>	2,0 (1,5:0,5)		*						
19.	<b>ĐC01005</b>	3,0 (1,0:2,0)		*						
20.	<b>ĐC01010</b>	3,0 (2,0:1,0)		*						
21.	<b>NN01015</b>	4,0 (2,0:2,0)	*							
22.	<b>NN01016</b>	4,0 (2,0:2,0)		*						
23.	<b>NN01017</b>	4,0 (2,0:2,0)			*					
24.	<b>NN01019</b>	4,0 (2,0:2,0)	*							
25.	<b>NN01020</b>	4,0 (2,0:2,0)		*						
26.	<b>NN01021</b>	4,0 (2,0:2,0)			*					
27.	<b>CT02059</b>	3,0 (2,0:1,0)		*						
28.	<b>CT02030</b>	3,0 (2,0:1,0)			*					
29.	<b>KT02401</b>	3(2,0:1,0)			*					
30.	<b>KT02402</b>	3(2,0:1,0)			*					
31.	<b>KT02403</b>	3(2,0:1,0)				*				
32.	<b>KT02102</b>	3(2,0:1,0)				*				
33.	<b>KT02404</b>	3(2,0:1,0)				*				
34.	<b>NP02001</b>	3,0 (2,0:1,0)				*				
35.	<b>CT03023</b>	3,0 (2,0:1,0)				*				
36.	<b>KT03001</b>	3(2,0:1,0)				*				
37.	<b>CT02056</b>	2,0 (0,5:1,5)				*				
38.	<b>CT03109</b>	3,0 (2,0:1,0)					*			
39.	<b>CT03114</b>	3,0 (2,0:1,0)					*			
40.	<b>CT03108</b>	4,0 (2,5:1,5)					*			

41.	<b>CT02103</b>	3,0 (2,0:1,0)					*			
42.	<b>CT02104</b>	3,0 (2,0:1,0)					*			
43.	<b>CT02105</b>	4,0 (2,5:1,5)					*			
44.	<b>XD02401</b>	3,0 (2,0:1,0)					*			
45.	<b>BC02104</b>	3,0 (2,0:1,0)					*			
46.	<b>CT03122</b>	2,0 (0,5:1,5)					*			
47.	<b>CT03121</b>	3,0 (2,0:1,0)						*		
48.	<b>CT03119</b>	3,0 (2,0:1,0)						*		
49.	<b>CT03201</b>	3,0 (2,5:0,5)						*		
50.	<b>XD03318</b>	3,0 (2,0: 1,0)						*		
51.	<b>CT03202</b>	3,0 (2,5:0,5)						*		
52.	<b>CT01101</b>	3,0 (2,0:1,0)						*		
53.	<b>TG02005</b>	3,0 (2,5:0,5)						*		
54.	<b>KT02406</b>	3(2,0:1,0)						*		
55.	<b>QQ03466</b>	3 (1,0:2,0)						*		
56.	<b>CT03112</b>	3,0 (2,5:0,5)							*	
57.	<b>CT03110</b>	3,0 (2,5:0,5)							*	
58.	<b>CT03111</b>	3,0 (2,5:0,5)							*	
59.	<b>CT03118</b>	3,0 (1,5:1,5)							*	
60.	<b>CT03123</b>	3								*
61.	<b>CT04012</b>	6								*
62.	<b>CT03124</b>	3,0 (2,5:0,5)								*
63.	<b>CT03115</b>	3,0 (2,5:0,5)								*
64.	<b>CT03203</b>	3,0 (2,5:0,5)							*	
65.	<b>CT03120</b>	3,0 (2,5:0,5)							*	
66.	<b>CT03088</b>	3,0 (2,5:0,5)							*	
67.	<b>CT03017</b>	3,0 (2,5:0,5)							*	
68.	<b>KT02410</b>	3(2,0:1,0)							*	
69.	<b>CT03113</b>	3,0 (2,5:0,5)							*	

## **10.2. Các điều kiện đảm bảo thực hiện chương trình**

### **10.2.1. Đội ngũ giảng viên**

Đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Quản lý công của Học viện Báo chí và Tuyên truyền có: 01 Giáo sư - Tiến sỹ, 03 Phó giáo sư - Tiến sỹ, 04 Tiến sỹ, 03 Nghiên cứu sinh, 2 Thạc sỹ, cùng một số lượng đông đảo các giáo sư, phó giáo sư và tiến sỹ báo chí học đảm nhận chức danh giảng viên kiêm nhiệm tại khoa.

Giảng viên giảng dạy chương trình đào tạo cử nhân ngành Quản lý công được tuyển chọn từ đội ngũ những giảng viên có năng lực và nhiệt huyết với nghề, có kiến

thức nền tảng vững chắc, thành thạo ngoại ngữ và công nghệ được đào tạo cơ bản từ các trường có uy tín ở nước ngoài và của Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh. Tham gia giảng dạy chương trình này có nhiều nhà giáo, nhiều chuyên gia trong lĩnh vực chính sách công và giảng viên mời đến từ các trường đại học đối tác ở nước ngoài của Học viện.

#### *10.2.2. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học*

Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở đào tạo có hơn 55 năm xây dựng và trưởng thành có trụ sở tại Hà Nội, địa chỉ số 36, đường Xuân Thủy, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội với tổng diện tích đất 80.464 m<sup>2</sup> và diện tích sử dụng là 57.310 m<sup>2</sup>. Hiện tại, Học viện có khu Hành chính là một toà nhà 11 tầng, với diện tích sử dụng 10.000m<sup>2</sup>.

Để phục vụ việc giảng dạy và nghiên cứu, Học viện có một hệ thống giảng đường 88 phòng với 1 giảng đường lớn (800 chỗ); 1 giảng đường 200 chỗ; 8 giảng đường 100 chỗ; 36 giảng đường 70 – 80 chỗ; 42 giảng đường có từ 50 chỗ. Đã có hơn 100% số giảng đường và phòng của Học viện được lắp đặt máy chiếu Projector để giảng viên sử dụng vào quá trình giảng dạy. Tất cả các giảng đường và phòng học đều được lắp đặt hệ thống internet và âm thanh, có nhiều phòng lắp đặt camera. Học viện có 02 phòng học ngoại ngữ, 06 phòng giảng dạy và thực hành máy vi tính. Ngoài ra, Học viện có phòng dựng phim, phòng máy photocopy, máy in siêu tốc, máy Fax.

Học viện có trang Web riêng và sử dụng các phần mềm tin học ứng dụng trong quản lý, khai thác các dữ liệu, tư liệu, tài liệu phục vụ cho nghiên cứu và học tập.

Cùng với cơ sở vật chất của Học viện, Khoa Chính trị học là đơn vị có gần 25 năm đào tạo và phát triển. Khoa Chính trị học đã liên kết hợp tác quốc tế với nhiều tổ chức trong, ngoài nước và được tài trợ nhiều trang thiết bị, phương tiện phục vụ công tác đào tạo như: máy vi tính, máy ảnh KTS, máy Projector Panasonic, bàn làm việc, máy in, ổ ápLioa, tủ đựng tài liệu các loại...

#### *10.2.3. Về thư viện*

Hiện nay, Trung tâm Thông tin Khoa học trực thuộc Học viện Báo chí và Tuyên truyền là cơ sở thông tin quan trọng, hỗ trợ giáo dục đào tạo và nghiên cứu khoa học trong toàn Học viện. Tổng diện tích sử dụng của Trung tâm là 3419m<sup>2</sup> trong đó có 2 phòng đọc diện tích 100m<sup>2</sup>, số lượng chỗ ngồi là 200 người, phòng bổ sung kỹ thuật, phòng hội thảo khoa học, phòng Internet với trên 20 máy tính phục vụ tra cứu, 4 kho để sách cùng các trang thiết bị phục vụ tương đối hiện đại. Trung tâm Thông tin Khoa học thường xuyên cập nhật các tài liệu mới, tổ chức biên tập, in ấn và phát hành giáo trình, tài liệu học tập phục vụ công tác nghiên cứu khoa học và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức và sinh viên của Học viện. Đặc biệt, hệ thống thư viện đáp ứng nhu cầu đa dạng của người đọc với các phòng: phòng đọc sách, phòng đọc báo, tạp chí, phòng mượn tổng hợp,

phòng ngoại văn... Hoạt động nghiệp vụ của thư viện được tin học hoá giúp cho việc mượn, trả và quản lý, khai thác có hiệu quả các tài liệu của thư viện. Các sách liên quan đến lĩnh vực chính trị, xã hội, ngoại giao... nói chung và công tác tư tưởng nói riêng rất phong phú, là nguồn tư liệu quý giá để tra cứu tài liệu cho hoạt động đào tạo và học tập.

Nhà trường cũng có Thư viện điện tử hiện đại trang bị hệ thống sách, giáo trình tài liệu tham khảo phong phú đa dạng với 3608 tài liệu. Trong đó có, 362 đề tài khoa học; 249 giáo trình; 33 khóa luận tốt nghiệp; 37 luận án tiến sĩ; 1982 luận văn thạc sĩ; 899 sách tham khảo; 24 tạp chí; 22 thông tin. Bạn đọc có thể đọc toàn văn tài liệu số theo địa chỉ: [thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace](http://thuvien.ajc.edu.vn:8080/dspace).

### ***10.3. Kế hoạch điều chỉnh chương trình***

Chương trình được đánh giá định kỳ 2 năm/lần, được đổi mới, hoàn thiện theo định kỳ 4 năm/lần hoặc khi có sự thay đổi về chức năng, nhiệm vụ và nhu cầu xã hội đối với ngành nghề đào tạo, những yêu cầu mới về phẩm chất, năng lực lao động của cơ quan sử dụng nguồn lực đào tạo.

**GIÁM ĐỐC**

**Trương Ngọc Nam**